TÒA ÁN NHÂN DÂN TB TỈNH QN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2022/HS - ST
Ngày 23 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH QN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N C D
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông LAC;
2. Bà HTH.

- Thư ký phiên tòa: Ông HVT – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh QN tham gia phiên tòa: Bà N - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh QN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST - HS ngày 01 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

BTD, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1969, tại huyện TB, tỉnh QN.

Nơi ĐKHKTT: tổ dân phố 6, TTTX, huyện TB, tỉnh QN; nơi sinh sống: Tổ dân phố 6, thị trấn TX, huyện Tb, tỉnh QN; nghề nghiệp: Giám đốc công ty; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông BTC (chết) và bà NTQ (chết); vợ NTTT, sinh năm 1968, có 02 con lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không, tuy nhiên ngày 22/11/1993 bị cáo BTD bị Tòa án nhân dân tỉnh QN xử phát 06 tháng tù treo, thời gian thử thách 18 tháng, bị cáo đang tại ngoại "có mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà T, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ dân phố 6, tt. TX, huyện TB, tỉnh QN" có mặt".

+ Bà H, sinh năm 1988, địa chỉ: Thị trấn LH, huyện TN, tỉnh QN; có mặt".

- Người làm chứng:

+ Ông L, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 153 HV, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh QN " có mặt".

+ Ông T, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ dân phố 6, tt. TX, huyện TB, tỉnh QN " có mặt".

+ Ông C, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu dân cư 12, thôn BĐ, xã TB, huyện TB, tỉnh QN " vắng mặt".

+ Ông H, sinh năm 1961, địa chỉ: Tổ dân phố 6, tt. TX, huyện TB, tỉnh QN " có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/6/2020, ông BTD giám đốc Công ty ĐT trực tiếp làm Hợp đồng kinh tế số 3916/HĐKT/QL/DTAM với Công ty TNHH MTV Q L về việc đặt in Hóa đơn giá trị gia tăng. Đến ngày 06/6/2020 thì hai bên thanh lý hợp đồng và ông D nhận 05 (năm) tập hóa đơn GTGT theo mẫu số 01GTKT3/003, ký hiệu AA/20P, từ hóa đơn số 0000001 đến hóa đơn số 0000250.

Sau khi nhận 05 (năm) tập hóa đơn giá trị gia tăng trên thì ông D bắt đầu sử dụng hóa đơn trong hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty ĐT mà không tiến hành Thông báo phát hành hóa đơn và gửi hóa đơn mẫu đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Chi cục Thuế huyện Tb) theo quy định.

Từ ngày 22/7/2020 đến ngày 15/7/2021, ông BTD đã sử dụng, ghi nội dung 43 (bốn mươi ba) hóa đơn giá trị gia tăng trong việc mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty ĐT với tổng cộng 14 đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp khác nhau. Ngoài ra, còn ghi nội dung thêm 04 hóa đơn nhưng do ghi sai thông tin nên đã xóa bỏ. Hóa đơn đầu tiên số 0000001 được sử dụng vào ngày 22/7/2020, giữa Công ty ĐT với Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại Cảnh Quang, địa chỉ: 263 Trần Quang Khải, phường Chánh Lộ, thành phố QN, tỉnh QN. Hóa đơn cuối cùng số 0000047, sử dụng ngày 15/7/2021, giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Xây dựng TT, địa chỉ: Tổ dân phố 2, TX, TB.

Ngày 24/8/2021, Chi Cục thuế huyện TB quyết định kiểm tra thuế thì đến ngày 03/11/2021, Công ty ĐT mới thực hiện việc Thông báo phát hành hóa đơn đến Chi cục Thuế huyện TB dưới hình thức nộp điện tử thông qua hệ thống thuế điện tử (Etax) của ngành Thuế.

Tại các bản Kết luận giám định số 215/KL-KTHS, ngày 31/3/2022 và số 671/KL-KTHS, ngày 31/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh QN cho kết quả tất cả các mẫu hình con dấu, mẫu chữ ký có trong các tài liệu trên đều là được đóng ra từ con dấu của Công ty ĐT và đều là chữ ký của ông D (riêng 04 hóa đơn giá trị gia tăng, liên 2, gồm các số: 0000018, 0000021, 0000023, 0000031 là bản photocopy nên không giám định được). Đồng thời, đối với các hóa đơn giá trị gia tăng giám định được nói trên, thì liên 2 có cùng nội dung giống nhau với liên 1 và liên 3 (riêng hóa đơn giá trị gia tăng số 0000029 thì liên 2 có ghi thêm nội dung *"029397980001…Trà Bồng" và "Duyệt chi…bảy mươi đồng"* so với liên 1 và liên 3 của hóa đơn cùng số.

Bị cáo D thừa nhận hành vi chưa thực hiện việc thông báo phát hành hóa đơn và gửi hóa đơn mẫu đến cơ quan thuế mà đã phát hành, sử dụng 43 (bốn mươi ba) hóa đơn đã ghi nội dung trên thị trường là vi phạm pháp luật, đủ định lượng cấu thành hình sự.

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Công ty ĐT những đồ vật, tài liệu cụ thể như sau:

+ 05 (năm) tập hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty ĐT, từ tập số 1 đến tập số 5 và 02 (hai) hóa đơn giá trị gia tăng mẫu số 01GTKT3/003, ký hiệu AA/20P, liên 2, số 0000059 và 0000060 của Công ty ĐT. Trong đó, tập hóa đơn giá trị gia tăng số 1 (từ số 1 đến số 50) liên quan đến vụ án nên để trong hồ sơ vụ án. 04 (bốn) tập hóa đơn giá trị gia tăng còn lại và 02 (hai) hóa đơn giá trị gia tăng, liên 2, số 0000059 và 0000060.

+ 03 (ba) tập Phiếu xuất kho của Công ty ĐT thể hiện hoạt động mua, bán đá với các công ty khác; 01 (một) Hợp đồng kinh tế không đề số, ngày 02/12/2021, không đề bên A, bên B là Công ty ĐT về việc cung cấp sản phẩm đá xây dựng.

+ 01 (một) tập hóa đơn giá trị gia tăng, tập số 2 (từ số 51 đến số 100) của Công ty Đồng Tâm.

+ 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Công ty ĐT, số QNG-00009855.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty ĐT.

+ 01 (một) Giấy xác nhận số 6392/20, ngày 01/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh QN về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty ĐT.

+ 01 (một) con dấu tròn của Công ty ĐT, MSDN: 4300373722.

+ 01 (một) con dấu tên hình chữ nhật, tên "D".

+ 01 (một) con dấu hình chữ nhật, tên "Giám đốc D".

Những đồ vật, tài liệu này sau khi kiểm tra, thấy không cần thiết tiếp tục tạm giữ, để trong hồ sơ nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D theo quy định.

Tại cáo trạng số: 27/CT - VKS ngày 28 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB đã truy tố bị cáo D về tội Phát hành hóa đơn trái phép quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo D từ 200.000.000đồng đến 300.000.000đồng.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Công ty ĐT những đồ vật, tài liệu cụ thể như sau:

+ 01 (một) Hợp đồng kinh tế số 3916/HĐKT/QL/DTAM, ngày 03/6/2020, 01(một) Biên bản thanh lý hợp đồng số 3916/HĐKT/QL/DTAM, ngày 06/6/2020 và 01 (một) Biên bản hủy phế phẩm số 3916/HĐKT/DTAM/HHĐ, ngày 06/6/2020 của Công ty ĐT và Công ty TNHH MTV QL về việc in hóa đơn giá trị gia tăng. Những tài liệu này thể hiện việc ông D trực tiếp hợp đồng in hóa đơn giá trị gia tăng theo mẫu 01GTKT3/003, ký hiệu AA/20P, để trong hồ sơ vụ án hình sự.

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty ĐT; 01 (một) Giấy xác nhận số 6392/20, ngày 01/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với

Công ty Đồng Tâm; 01 (một) thông báo không đề số, ngày 10/6/2020 của Công ty ĐT về việc thay đổi mẫu con dấu của doanh nghiệp. Đây là các tài liệu pháp lý của Công ty ĐT, để trong hồ sơ vụ án hình sự.

+ 05 (năm) tập hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty ĐT, từ tập số 1 đến tập số 5 và 02 (hai) hóa đơn giá trị gia tăng mẫu số ĐT Tâm. Trong đó, tập hóa đơn giá trị gia tăng số 1 (từ số 1 đến số 50) liên quan đến vụ án nên để trong hồ sơ vụ án. 04 (bốn) tập hóa đơn giá trị gia tăng còn lại và 02 (hai) hóa đơn giá trị gia tăng, liên 2, số 0000059 và 0000060 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D theo quy định.

- 03 (ba) tập Phiếu xuất kho của Công ty ĐT thể hiện hoạt động mua, bán đá với các công ty khác; 01 (một) Hợp đồng kinh tế không đề số, ngày 02/12/2021, không đề bên A, bên B là Công ty về việc cung cấp sản phẩm đá xây dựng. Tài liệu này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông D theo quy định.

- Quá trình khám xét nơi làm việc, đồng thời là chỗ ở của ông D, theo Lệnh khám xét số 251/LKX-ĐTTH, ngày 19/4/2022, Cơ quan điều tra tạm giữ của ông D những đồ vật, tài liệu sau:

+ 01 (một) tập hóa đơn giá trị gia tăng, tập số 2 (từ số 51 đến số 100) của Công ty.

+ 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của Công ty, số QNG-00009855.

+ 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Công ty.

+ 01 (một) Giấy xác nhận số 6392/20, ngày 01/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty.

+ 01 (một) con dấu tròn của Công ty Đồng Tâm, MSDN: 4300373722.

+ 01 (một) con dấu tên hình chữ nhật, tên "D".

+ 01 (một) con dấu hình chữ nhật, tên "Giám đốc D".

Những đồ vật, tài liệu này sau khi kiểm tra, thấy không cần thiết tiếp tục tạm giữ, để trong hồ sơ nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông D theo quy định.

Đối với 43 hóa đơn trong quá trình hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ với 14 đơn vị, công ty khác nhau mà Công ty đã xuất gồm: Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại Cảnh Quang 03 hóa đơn tổng số tiền: 49.830.000 đồng; Công ty TNHH LT 01 hóa đơn tổng số tiền: 64.800.000 đồng; Công ty TNHH xây dựng và thương mại ĐP 01 hóa đơn tổng số tiền: 15.840.000 đồng; Công ty TNHH HH 04 hóa đơn tổng số tiền: 87.300.000 đồng; Công ty TNHH xây dựng Trọng Nghĩa 06 hóa đơn tổng số tiền: 122.700.042 đồng; Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ Tiến Thành 03 hóa đơn tổng số tiền: 199.197.600 đồng; Công ty TNHH MTV Nguyên Trà 01 hóa đơn tổng số tiền: 11.550.000 đồng; Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực HaTaCo Việt Nam 07 hóa đơn tổng số tiền: 95.040.000 đồng; Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Bách Khoa 01 hóa đơn tổng số tiền: 19.800.000 đồng; Công ty TNHH MTV 718 01 hóa đơn tổng số tiền: 326.700.000 đồng; Công ty TNHH MTV xây dựng TT 01 hóa đơn tổng số tiền: 206.640.170 đồng; Công ty TNHH MTV vận tải MH 11 hóa đơn tổng số tiền:

162.690.000 đồng; Phòng Giáo dục huyện Trà Bồng và Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện TB 03 hóa đơn của Công ty Đồng Tâm tổng số tiền: 218.675.470 đồng. Trong 14 đơn vị hợp đồng, mua bán hàng hóa, dịch vụ với Công ty thì có 02 đơn vị là: Phòng Giáo dục huyện TB hợp đồng dịch vụ vận chuyển và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện là có hợp đồng với Công ty. Còn 12 công ty còn lại không có hợp đồng. Các công ty nêu trên không biết Công ty không thực hiện việc thông báo phát hành hóa đơn cho chi cục Thuế huyện nên không có cơ sở để xem xét, xử lý các đơn vị này.

Qua lời tranh luận, đối đáp giữa bị cáo với kiểm sát viên; lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện TB, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong năm 2020 và năm 2021, ông D - Giám đốc Công ty đã có hành vi phát hành, sử dụng, ghi nội dung 43 (bốn mươi ba) hóa đơn giá trị gia tăng trên thị trường mà không thực hiện việc thông báo phát hành hóa đơn cho Chi cục thuế huyện TB theo quy định.

Ngày 24/8/2021, Chi Cục thuế huyện TB quyết định kiểm tra thuế thì đến ngày 03/11/2021, Công ty mới thực hiện việc Thông báo phát hành hóa đơn đến Chi cục Thuế huyện TB dưới hình thức nộp điện tử thông qua hệ thống thuế điện tử (Etax) của ngành Thuế.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính: *3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:*

"4. Thông báo phát hành hóa đơn và hóa đơn mẫu phải được gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất hai (02) ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn. Thông báo phát hành hóa đơn gồm cả hóa đơn mẫu phải được niêm yết rõ ràng ngay tại các cơ sở sử dụng hóa đơn để bán hàng hóa, dịch

vụ trong suốt thời gian sử dụng hóa đơn, Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức kinh doanh thanh lý hợp đồng in khi đã lập tờ Thông báo phát hành hóa đơn đối với hợp đồng đặt in hóa đơn không quy định thời hạn thanh lý hợp đồng (đối với hóa đơn đặt in) và không bị xử phạt".

Như vậy, 43 (bốn mươi ba) hóa đơn giá trị gia tăng mà ông D đã ghi nội dung, phát hành, sử dụng trên thị trường từ ngày 22/7/2020 đến ngày 15/7/2021 là hóa đơn trái phép. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới chế độ quản lý của Nhà nước. Thời điểm thực hiện hành vi, ông D có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Lỗi là lỗi cố ý; Hành vi trên cấu thành tội Phát hành trái phép hóa đơn, được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ Luật Hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bồng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội:

Tại các bản Kết luận giám định số 215/KL-KTHS, ngày 31/3/2022 và số 671/KL-KTHS, ngày 31/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi cho kết quả tất cả các mẫu hình con dấu, mẫu chữ ký có trong các tài liệu trên đều là được đóng ra từ con dấu của Công ty Đồng Tâm và đều là chữ ký của ông D (riêng 04 hóa đơn giá trị gia tăng, liên 2, gồm các số: 0000018, 0000021, 0000023, 0000031 là bản photocopy nên không giám định được). Đồng thời, đối với các hóa đơn giá trị gia tăng giám định được nói trên, thì liên 2 có cùng nội dung giống nhau với liên 1 và liên 3 (riêng hóa đơn giá trị gia tăng số 0000029 thì liên 2 có ghi thêm nội dung *"029397980001…Trà Bồng" và "Duyệt chi…bảy mươi đồng"* so với liên 1 và liên 3 của hóa đơn cùng số.

Hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng một hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; chấp hành tốt chính sách pháp luật; trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo tự nguyện nộp số tiền 100.000.000đồng, (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng), tại cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TB, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin áp dụng hình phạt tiền và có tài liệu chứng minh có tài sản thuộc sở hữu hợp pháp để chứng minh có khả năng về tài chính và điều kiện kinh tế của người phạm tội thi hành án được và đảm bảo một cách sớm nhất; mặc khác trong quá trình bị cáo hoạt động và điều hành công ty được Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi tặng giấy khen; có ông ngoại là Nguyễn Trí liệt sĩ, nên cần xem đây là các tình tiết giảm nhẹ và giảm nhẹ khác được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét áp dụng cho bị cáo.

Căn cứ vào những tình tiết trên, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra người khỏi đời sống xã hội mà áp dụng mức án trung bình của khung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo vừa đảm bảo việc thu nộp ngân sách Nhà nước, vừa có tác dụng răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, cơ quan thuế chưa xác định được tỉ lệ ấn định thuế, số thuế công ty phải nộp; do đó Cơ quan điều tra phải tiếp tục điều tra, xác minh và sẽ tiến hành xử lý sau.

[6] Riêng đối với bà T: Không có nhiệm vụ, quyền hạn, vai trò quản lý, điều hành hoạt động của Công ty; không tham gia đến việc phát hành hóa đơn trái phép xảy ra tại Công ty. Do đó, không đề cập vấn đề xử lý trách nhiệm đối với bà Nguyễn Thị Thu Tâm trong vụ án là có căn cứ.

[7] Bà P: Quá trình điều tra xác minh không có giấy tờ, thủ tục, tài liệu nào chứng minh bà P làm kế toán cho Công ty. Do đó, không có cơ sở để xem xét, xử lý trách nhiệm đối với bà P là phù hợp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Công ty và xử lý là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Đoiều 23 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo D phải chịu 200.000đồng, (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo D Phạm tội "Phát hành trái phép hóa đơn".

Xử phạt bị cáo D 250.000.000đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Tạm giữ số tiền bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng) theo biên lai số: 0000853 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TB, để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS nhân dân huyện, tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan điều tra Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;
- Chi Cục THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường/thị trấn bị cáo được giao giám sát;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký